

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 183/2018/DS - PT
Ngày 12- 10 - 2018
V/v Tranh chấp Đòi tài sản -
quyền sử dụng đất - Bồi
thường thiệt hại - Hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng...

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Thái Thị Huyền Trân

Các Thẩm phán: Ông: Cao Minh Lễ

Bà: Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Cẩm Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang :

Ông Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp Đòi tài sản - quyền sử dụng đất - Bồi thường thiệt hại - Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất - hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2018/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 282/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2018 và Thông báo mở phiên tòa số 1120/TB-TA ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965. (có mặt)

1.2 Bà Lê Thị G, sinh năm 1971.(vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp Hoà L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1993.
(có mặt)

Nơi cư trú: ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G, ông E: Luật sư Hồ Hoàng Ph - Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phạm Phú H, sinh năm 1962. (có mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1962. (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp Hoà Long I, thị trấn An Châu, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà Mai: ông Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1983. (có mặt)

Nơi cư trú: số 477A/24, Quận Cơ Th, khóm Bình Thới 3, phường Bình Khánh, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn Ne, sinh năm 1957. (có mặt)

3.2 Bà Lương Thị Hạnh, sinh năm 1958. (vắng mặt)

3.3 Anh Nguyễn Phước Long, sinh năm 1980. (vắng mặt)

3.4 Ông Nguyễn Văn Nghe, sinh năm 1967. (vắng mặt)

3.5 Bà Trần Thị Bé, sinh năm 1967. (vắng mặt)

3.6 Ông Nguyễn Văn Đắt, sinh năm 1921 (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đắt:

3.6.1 Bà Võ Thị Em, sinh năm 1922. (vắng mặt)

3.6.2 Ông Nguyễn Văn Be, sinh năm 1955. (vắng mặt)

3.6.3 Ông Nguyễn Văn Ne, sinh năm 1957. (có mặt)

3.6.4 Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965. (có mặt)

3.6.5 Ông Nguyễn Văn Nghe, sinh năm 1967. (vắng mặt)

3.6.6 Bà Nguyễn Thị Tuyên, sinh năm 1970. (vắng mặt)

3.6.7 Bà Nguyễn Thị Chắc, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp Hoà Long II, thị trấn An Châu, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

3.7 Bà Võ Thị Em, sinh năm 1922. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp Hoà Long II, thị trấn An Châu, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

3.8 Ủy ban nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 328, đường Lê Lợi, ấp Hoà Long IV, thị trấn An Châu, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G trình bày:

Nguyên cha mẹ là ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị E có đứng tên phần đất có diện tích 9.909m², thửa đất số 206, 207, 208, 209, 210 và 582, Tờ bản đồ số 02. Đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số D 0346835, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00707.QSDD/aG do UBND huyện Châu Th cấp ngày 14-5-1994 đứng tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1921. Đất tọa lạc tại ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Đến năm 2006 ông, bà được cha mẹ cho phần đất trên bằng tờ thuận phân ngày 13-3-2006, không đo đạc lại mà chỉ chuyển quyền sử dụng. Sau khi được cho đất thì ông, bà làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất là lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 637/CN ngày 13-3-2006 được Ủy ban nhân dân thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang chứng thực ngày 11-5-2006. Đến ngày 16-6-2006 ông, bà được cấp 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00707/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 8.910m², mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Qua đo đạc thực tế diện tích chỉ còn lại 8.289m², giảm 621m². Đối với phần đất 8.910m² trước khi được cha mẹ cho đất thì ông Nguyễn Văn N đã sử dụng 2.000m², sau khi ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do hoàn cảnh gia đình ông N khó khăn nên ông, bà tiếp tục cho ông N sử dụng phần đất 2.000m² để trồng lúa, việc ông, bà cho ông N tiếp tục sử dụng phần đất này thì không có bàn bạc hay thỏa thuận gì với ông N. Ông, bà cũng không nói cho ông N biết việc cha mẹ đã cho đất. Phần đất còn lại ông, bà sử dụng được 1 năm thì cho ông Nguyễn

Văn Ngh mượn 2.000m², việc cho ông Ngh mượn đất cũng không làm giấy tờ, không thỏa thuận thời gian trả, khi nào cần thì lấy lại. Đối với ông Ngh thì ông có nói rõ việc cha mẹ đã cho phần đất này. Riêng phần đất còn lại có diện tích 4.910m², đo đạc thực tế chỉ còn 3.967m² thì ông, bà trực tiếp sử dụng không tranh chấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01675/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12 – 6 – 2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02, diện tích 567m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang, đất không tranh chấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669686, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01676/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12 – 6 – 2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 582, tờ bản đồ số 02, diện tích 432m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang, đất không tranh chấp.

Đối với 2 phần đất này trước khi cha mẹ chuyển nhượng đất cho ông, bà thì trên đất có 03 căn nhà của ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn Ngh, bà Nguyễn Thị Ch cất nhà ở. Ông, bà không có nhà trên 2 phần đất này.

Đến ngày 25-3-2013 ông, bà phát hiện phần đất cho ông Ngh mượn 2.000m² đất (2L) thì ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M đào lấy lớp đất mặt để làm gạch và chứa tro, gạch vụn. Còn phần đất cho ông N mượn 2.000m² đất (2L) thì ông H, bà M sử dụng làm nơi chứa đất làm gạch.

Ông Nguyễn Văn Đ biết đọc, biết viết chữ. Bà Võ Thị E không biết đọc chữ, không biết viết chữ, 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hiện ông, bà đang giữ bản chính.

Nay ông, bà yêu cầu:

- Yêu cầu ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M trả lại cho ông, bà 4.104m² đất chuyên trồng lúa tại các điểm 12, 11, 1, 2, 4, 5, 7 và 30 của Bản gốc trích đo ngày 07-7-2014 của Văn Phòng Đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Th.

- Yêu cầu ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M đào bỏ phần gạch vụn và tro, đồng thời phải sang lấp trả lại hiện trạng sản xuất lúa.

- Yêu cầu ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M bồi thường thiệt hại theo mức 24.000.000 đồng/1 năm/4.000m², thời điểm tính kể từ ngày 25-3-2013 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án 23-01-2018 là 120.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi theo quy định

pháp luật là 1%/tháng, thời gian tính kể từ ngày 25-3-2013 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án là 70.000.000đồng, tổng cộng là 190.000.000đồng.

2. Bị đơn ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 1992 ông, bà có nhận cổ đất của ông Nguyễn Văn Ngh phần đất 2.000m² (2L). Đến năm 2000 ông, bà mua luôn phần đất 2.000m² đã có của ông Ngh với giá 80.000.000 đồng, khi mua thì chỉ làm giấy tay và có Trưởng Ban ấp tên Phạm Văn N ký tên chứng kiến việc chuyển nhượng, khi mua thì ông, bà biết phần đất này do ông Đ, bà E đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Ngh chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Ngh nói đất cha mẹ đã cho vợ chồng ông và khi nào cha mẹ ông chuyển quyền sử dụng đất thì sẽ sang tên cho ông, bà thì ông bà sẽ làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho ông H và bà M. Phần đất này ông, bà đã sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay. Phần đất này ông, bà đào lấy đất để làm gạch sâu xuống 2m, chứa tro, gạch vụn. Khi ông bà có đất sau đó mua phần đất này của ông Ngh thì có nói cho ông Đ, bà E biết, nhưng ông Đ, bà E nói đất đã cho ông Ngh, ông Ngh muốn làm gì thì tùy ông Ngh.

Năm 2002 ông, bà có nhận cổ đất từ ông Nguyễn Văn N diện tích đất là 2.000m² với giá là 30 chỉ vàng 24 kara và 3.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận thời gian cổ đất là đến năm 2010, đến hạn nếu ông N không có tiền chuộc thì ông, bà tiếp tục sử dụng đến khi ông N có tiền thì chuộc lại. Khi cổ đất thì hai bên có làm giấy cổ đất. Phần đất này ông bà dùng làm sân chứa đất và làm sân phơi gạch. Khi cổ đất ông, bà có hỏi ông Đ, bà E xác định đã cho đất ông N. Ông N xác định không biết đất ông E đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 6/2013, ông Nguyễn Văn E gửi đơn ra UBND thị trấn An Ch yêu cầu ông, bà trả lại hai phần đất này ông, bà mới biết.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G thì ông bà không đồng ý.

Ông, bà có yêu cầu phản tố, nội dung:

- Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, bà với ông Nguyễn Văn Ngh, bà Trần Thị B. Đề nghị ông Ngh, bà B sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thực hiện việc sang tên cho ông, bà. Trong trường hợp Tòa án không công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 10-6-2000 thì ông, bà yêu cầu ông Ngh, bà B liên đới trả lại số tiền đã nhận là 80.000.000 đồng đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, thời gian tính kể từ ngày 10-6-2000 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông, bà với ông Nguyễn Văn N, bà Lương Thị H. Khi nào ông N, bà H có vàng chuộc lại thì ông, bà sẽ trả đất.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.00707/aG do UBND huyện Châu Th cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G, diện tích 8.910m², thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02. Đất tọa lạc tại ấp Hòa L thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H bà M tự nguyện rút lại yêu cầu phản tố đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Ngh, bà B và hợp đồng cổ đất với ông N, bà H. Ông bà yêu cầu hai bên tự giải quyết.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn N trình bày:

Nguyên cha ông là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1921 có sở H phân đất ruộng trên 8.500m², tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Do tuổi cao sức yếu nên ông Đ có giao cho con là ông Nguyễn Văn E quản lý về mặt giấy tờ, chứ không trực tiếp canh tác.

Năm 1979, cha mẹ có cho ông 2.000m² đất (2L) để canh tác trong tổng số 8.500m², khi cha mẹ cho đất có sự đồng ý của ông E, vì là cha con nên không làm giấy tờ tặng cho, khi cho đất thì ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông canh tác từ đó đến năm 1997 thì có phần đất đó cho ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M làm sân phơi gạch cho đến nay. Khi có đất có làm giấy tay không chứng thực, thời hạn cổ đất đến năm 2010 thì chuộc, mục đích cổ đất để ông H, bà M làm sân phơi gạch.

Từ năm 1979 cho đến nay ông cứ ngỡ rằng phần đất trên còn đứng tên cha ông là ông Đ. ông không hay biết việc ông Đ cho ông E, bà G đứng tên quyền sử dụng đất, đến khi ông E khởi kiện ông mới biết. Phần đất trên cha mẹ cho ông chứ không phải ông E, bà G cho mượn.

Trên phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa số AĐ 669685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01675/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02, diện tích 567m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669686, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01676/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 582, tờ bản đồ số 02, diện tích 432m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Trên đất ở ông N, ông Ngh, bà Ch có cất 3 căn nhà do cha mẹ cho cất nhà để ở trước khi ông E, bà G được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Ông E, bà G không có nhà trên 2 phần đất này, phần đất này không tranh chấp.

Cha ông là ông Nguyễn Văn Đ đã chết ngày 20 - 03 - 2016 âm lịch. Cha ông có tổng cộng 06 người con tên: Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn , Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ch, cùng cư trú tại ấp Hòa L, thị trấn An C, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Đối với tờ thuận phân được lập ngày 13-03-2006 thì ông khẳng định là ông không có ký tên, lăn tay vào tờ thuận phân và không hay biết.

Nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số Đ 669684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.00707/aG do UBND huyện Châu Th cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G, diện tích 8.910m², thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02. Đất tọa lạc tại ấp Hòa L, thị trấn An Ch huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Ông không có yêu cầu gì đối với ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M. Phần đất ông đã cố cho ông H, bà M thì ông H, bà M tiếp tục sử dụng, khi nào có tiền thì ông sẽ chuộc lại đất, yêu cầu tự giải quyết với ông H, bà M.

3.2 Bà Lương Thị H trình bày:

Năm 1979, cha mẹ có cho vợ chồng bà 2.000m² đất (2L) để canh tác trong tổng số 8.500m², có sự đồng ý của em chồng là ông E, vì là cha con nên không làm giấy tờ, khi cho đất thì ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng bà canh tác từ đó đến năm 1997 thì cố phần đất đó cho ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M làm sân phơi gạch cho đến nay. Khi cố đất có làm giấy tay không chứng thực, thời hạn cố đất đến năm 2010 thì chuộc nhưng do chưa có vàng nên ông bà chưa chuộc lại diện tích đất cố.

Nay bà thống nhất theo yêu cầu của ông N.

3.3 Anh Nguyễn Phước L trình bày:

Nguyên ông nội anh là ông Nguyễn Văn Đ có sở H phần đất ruộng trên 8.500m², tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Thời điểm đó ông nội do tuổi cao sức yếu nên có giao cho chú là ông Nguyễn Văn E quản lý về mặt giấy tờ, chứ không trực tiếp canh tác.

Năm 1979, ông nội có cho cha mẹ anh là ông N, bà H 2.000m² đất (2L) để canh tác trong tổng số 8.500m², có sự đồng ý của chú anh là ông E, vì là cha con nên không làm giấy tờ. Cha mẹ anh canh tác đến năm 2000 thì cố phần đất đó cho ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M làm sân phơi gạch cho đến nay.

Nay anh thống nhất theo yêu cầu của cha mẹ là ông N và bà H.

3.4 Ông Nguyễn Văn Ngh trình bày:

Nguyên cha ông là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1921 có sở H phần đất ruộng trên 8.000m², tọa lạc ấp Hòa Long II, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Năm 1989, cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị có cho ông 2.000m² đất để canh tác, khi cho chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ gì nhưng tất cả anh em đều biết. Ông canh tác đến năm 1992 thì cô phần đất đó cho ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M giá 20.000.000 đồng. Đến năm 2000 ông chuyển nhượng phần đất đó cho ông H, bà M giá 80.000.000 đồng ông H, bà M sử dụng làm sân phơi gạch cho đến nay, không có tranh chấp.

Khi cha mẹ cho đất ông E, bà G ông không biết và khi ông E, bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông cũng không biết. Ông không mượn đất của ông E, bà G. Phần đất 2.000m² cha mẹ cho nên mới chuyển nhượng cho ông H, bà M. Đối với tờ thuận phân được lập ngày 13-03-2006 thì ông khẳng định là ông không có ký tên, lăn tay vào tờ thuận phân.

Nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.00707/aG do UBND huyện Châu Th cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G, diện tích 8.910m², thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02. Đất tọa lạc tại ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang trả lại phần đất trên cho cha mẹ là ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị E để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H, bà M để làm thủ tục sang tên. Ông yêu cầu tự giải quyết với ông H, bà M.

3.5 Bà Trần Thị B trình bày:

Bà là vợ của ông Ngh, ông Đ và bà E có sở H phần đất ruộng trên 8.000m², tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Năm 1989, cha mẹ chồng có cho vợ chồng bà 2.000m² đất để canh tác, khi cho chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ gì nhưng tất cả anh em đều biết và đồng ý. Vợ chồng bà cho người khác thuê canh tác từ đó đến năm 2000 thì vợ chồng bà chuyển nhượng phần đất đó cho ông H, bà M hợp đồng mua bán bằng giấy tay vì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 1989 cho đến nay vợ chồng bà cứ ngỡ rằng phần đất trên còn đứng tên cha chồng là ông Đ, bà chỉ biết phần đất trên đứng tên ông E, bà G khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án.

Nay bà thống nhất yêu cầu của ông Ngh.

3.6 Bà Võ Thị E trình bày:

Bà và chồng là ông Nguyễn Văn Đ có 06 con chung là Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ch. Vợ chồng bà có làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho con là E và G. Nay bà không có

yêu cầu tranh chấp và đất do E và G quyết định có cho ông N, Ngh mượn đất để canh tác.

3.7 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Đ:

3.7.1 Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà là con của ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị E Cha mẹ bà có tất cả 6 người con gồm: Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ch. Bà không biết việc cha mẹ cho đất cho ông E. Bà có biết việc cha mẹ cho đất ông N và ông Ngh nhưng không nhớ rõ thời gian. Đối với tờ thuận phân được lập ngày 13-03-2006 thì bà khẳng định là không biết, bà không có ký tên, chữ ký tên trong tờ thuận phân không phải của bà. Bà không đồng ý việc cha mẹ cho đất ông E, bà G vì không hợp gia đình. Cha mẹ bà không biết đọc chữ, không biết viết chữ, không biết ghi tên, không biết ký tên. Bà không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt không tham gia vụ án.

3.7.2 Bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Bà là con của ông Đ, bà E bà không có yêu cầu tranh chấp và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

3.7.3 Ông Nguyễn Văn B:

Không có ý kiến và vắng mặt không tham gia tố tụng trong vụ án.

3.8 Ủy ban nhân dân huyện Châu Th:

Xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E, bà G là đúng theo qui định pháp luật. Ủy ban không có yêu cầu độc lập và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST, ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang, tuyên xử:

[1] Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 637/CN được xác lập ngày 13-3-2006 giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị E với ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G được Ủy ban nhân dân thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang chứng thực ngày 11-5-2006 là vô hiệu.

[2] Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01675/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02, diện tích 567m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669686, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01676/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 582, tờ bản đồ số 02, diện tích 432m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669684, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00707/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 8.910m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

[3] Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà M với ông Nguyễn Văn Ngh, bà Trần Thị B và yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông H, bà M với ông Nguyễn Văn N, bà Lương Thị H.

[4] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M trả lại cho ông E, bà G 4.104m² đất chuyên trồng lúa tại các điểm 12, 11, 1, 2, 4, 5, 7 và 30 của Bản gốc trích đo ngày 07-7-2014 của Văn Phòng Đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Th.

[5] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M đào bỏ phần gạch vụn và tro, đồng thời phải sang lấp trả lại hiện trạng sản xuất lúa.

[6] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền là 120.000.000đồng và tiền lãi là 70.000.000đồng, tổng cộng là 190.000.000đồng.

[7] Buộc ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G trả lại bà Võ Thị E và ông Nguyễn Văn Đ (chết ngày 26-4-2016) có các người thừa kế của ông Đ có bà Võ Thị E, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn E, ông Nguyễn Văn Ngh, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch phần đất có diện tích 3.967m² tại các điểm 12, 30, 26, 17, 16, 11 của bản gốc trích đo ngày 07-7-2014 của Văn Phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Th. Đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số D 0346835, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00707.QSDĐ/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 14-5-1994 đứng tên ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1921, thửa đất số 206, 207,

208, 209, 210, 582, tờ bản đồ số 02, diện tích 9.909m², mục đích sử dụng: 2L, T, ĐM. Đất tọa lạc thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

[8] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00707/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 8.910m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

[9] Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N bà Lương Thị H, anh Nguyễn Phước L, ông Nguyễn Văn Ngh, bà Trần Thị B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AĐ 669684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00707/aG do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp ngày 12-6-2006 đứng tên ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, bà Lê Thị G, sinh năm 1971, thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 8.910m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa. Đất tọa lạc ấp Hòa L, thị trấn An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

[10] Về chi phí tố tụng khác:

[10.1] Chi phí đo đạc: Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G phải chịu chi phí đo đạc là 1.748.000đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng), ông E, bà G đã nộp xong.

[10.2] Chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G phải chịu chi phí định giá tài sản là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), ông E, bà G đã nộp xong.

[11] Về án phí:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G phải chịu 9.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 7.600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008935 ngày 05-8-2013 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Ông E, bà G còn phải nộp thêm 2.100.000đồng (hai triệu một trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bị đơn ông Phạm Phú H, bà Nguyễn Thị M 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06729 ngày 29-7-2014 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về yêu cầu thi hành án, lãi suất và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 02 năm 2018 ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST, ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Th không kháng nghị.

Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận, và phát biểu của luật sư và đại diện Kiểm sát viên tỉnh An Giang. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi yêu cầu phản tố và ý kiến.

- Ý kiến của luật sư Hồ Hoàng Ph bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại 190.000.000đồng. Vì diện tích đất tranh chấp của ông Đ, bà E tặng cho ông E, bà G là có thật tuy nhiên do thực hiện thủ tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có giá trị là sai nhưng do trình độ và bản tính nông dân thật thà nên không đúng qui định pháp luật. Nay ý chí của bà Em xác định đã tặng cho diện tích đất cho ông E, bà G là thật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng vụ án:

Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn E, bà Lê

Thị G giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Xét nội dung của vụ án và căn cứ lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, kết quả tranh luận của Luật sư và Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy :

- Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đòi lại diện tích đất 4.104m² loại đất nông nghiệp tại huyện Châu Th, tỉnh An Giang hiện diện tích đất do ông H, bà M đang quản lý. Đất hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông E, bà G, ông bà được cha mẹ tặng cho năm 2006. Do đó ông bà khởi kiện yêu cầu ông H, bà M đang quản lý sử dụng đất trả lại diện tích đất cho nguyên đơn. Do ông H, bà M trong quá trình sử dụng đã đào hầm hố nên ông bà yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ san lấp trả lại hiện trạng đất nông nghiệp. Ông bà cho rằng trong thời gian qua ông bà không được trực tiếp sản xuất nên đã bị thiệt hại số tiền ước tính là 190.000.000đồng và yêu cầu bị đơn hoàn trả. Ông bà yêu cầu được giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà đã được UBND huyện Châu Th cấp là hợp pháp. Yêu cầu khởi kiện của ông bà không được ông H, bà M chấp nhận. Bị đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E, bà G và tự nguyện rút lại yêu cầu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà với vợ chồng ông Ngh có diện tích 2.000m² đất nông nghiệp và hợp đồng có đất giữa ông bà và vợ chồng ông N có diện tích 2.000m² đất nông nghiệp. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông N, ông Ngh không đồng ý vì đất tranh chấp đã được cha mẹ tặng cho ông bà từ rất lâu và vợ chồng ông N trực tiếp nhận và sản xuất 2.000m² đất từ năm 1979 và vợ chồng ông Ngh trực tiếp nhận sản xuất 2.000m² từ năm 1984. Khi cha mẹ làm thủ tục tặng cho và chuyển quyền cho ông E, bà G các ông bà không hề hay biết, đến năm 2013 khi nguyên đơn có đơn yêu cầu hòa giải tại địa phương đối với ông H, bà M thì ông bà mới hay biết. Nay ông bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E, bà G. Đất là tài sản của cha mẹ tạo lập thì cha mẹ làm thủ tục phân chia đất cho các con để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E, bà G. Nguyên đơn không đồng ý đã kháng cáo yêu cầu được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Nhận thấy, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ 8.911m² đã được cha mẹ tặng cho miệng nhưng được thể hiện qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập số 637/CN ngày 13/3/2006 giữa ông Đ, bà E và ông E, bà G được UBND thị trấn An Ch, huyện Châu Th chứng thực ngày 11/5/2006. Qua kiểm tra và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm đã thể hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xác lập là không có thật vì thực tế là hợp đồng tặng cho tài sản nên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có ghi giá trị chuyển nhượng.

Thực tế 4.104m² đất ông N, bà H và ông Ngh, bà B đã quản lý sử dụng từ năm 1979 đến nay chưa giao lại cho ông E, bà G sử dụng. Do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có vi phạm nội dung và hình thức nên vô hiệu và không đặt ra hậu quả pháp lý để giải quyết buộc các bên giao trả tài sản cho nhau. Cấp sơ thẩm đã tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vô hiệu là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo cung cấp chứng cứ là lời khai của bà E xác định đất đã tặng cho đất cho ông E, bà G 8.911m² chứ không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông E và bà G nhưng các bên không cung cấp được chứng cứ chứng minh năm 2006 ông Đ, bà E đã tặng cho 8.911m² đất (2L) cho ông E, bà G là có thật, hiện tại ông Đ đã chết nên bà E không được quyền tự định đoạt đối với tài sản chung vợ chồng nên không có căn cứ để xác định ông E, bà G được cha mẹ tặng cho 8.911m² là có thật nên yêu cầu kháng cáo không được xem xét.

- Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 637/CN ngày 13/3/2006 vô hiệu nên 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông E, bà G diện tích 8.911m² là có sai phạm nội dung nên cần phải hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E, bà G. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà M của ông N, bà B, ông Ngh, bà H được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không được chấp nhận.

- Ông E và bà G không phải là người sử dụng đất hợp pháp nên yêu cầu của ông bà đòi lại tài sản là diện tích đất 4.104m² đất (2L) do ông H, bà M đang quản lý cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà là có căn cứ.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn của nghĩa vụ san lấp hiện trạng đất nông nghiệp cấp sơ thẩm không chấp nhận và nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh 4.104m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại thực tế là 190.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra là có thật. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nên không có căn cứ xem xét. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện và rút lại yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế có số tiền 190.000.000 đồng, yêu cầu của nguyên đơn không có sự phản đối của những người tham gia tố tụng khác nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 190.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông E, bà G.

- Về chi phí tố tụng khác:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông E, bà G tự chịu chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông bà đã thực hiện xong nên không xem xét.

- Án phí phúc thẩm:

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DSST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Nội dung:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế với số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng)”

Chi phí tố tụng khác:

Ông E, bà G tự chịu chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm số tiền 3.248.000 đồng (Ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng), cấp phúc thẩm số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng cộng 8.248.000 đồng (Tám triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng) đã thực hiện xong.

Các nội dung còn lại của bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DSST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang được giữ nguyên và có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại cho ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị G 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003287 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao;

- VKSND.AG;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- TAND huyện;
- THA huyện;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự “Để thi hành”;
- Lưu hồ sơ ./.

Thái Thị Huyền Trân